

Bản án số: 124/2019/DS-ST.

Ngày: 22-01-2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Yến,
2. Bà Nguyễn Thanh Phước.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 2096/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 474/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 382/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Viết tắt: Ngân hàng V),

Trụ sở: Đường L, phường H, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1995 (Có mặt).

- Ông V.T

(Giấy ủy quyền số 28111/2018/UQ-VPB ngày 26/10/2018).

2. Bị đơn: Ông N.H.T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 123 đường XVNT, Phường xx, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày:*

Ngày 18/11/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ký duyệt cho ông Ông N.H. T vay vốn theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 2228498 được lập ngày 06/11/2018 với số tiền vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thỏa thuận 30%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, vay trả góp mỗi tháng 1.812.330 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng V đã giải ngân số tiền 50.000.000 đồng cho ông T, bao gồm 48.507.010 đồng tiền vay và 1.492.990 đồng tiền phí mua bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân. Ông T đã thanh toán được 3 lần, tổng cộng 5.628.000 đồng. Kể từ sau ngày 11/4/2015 đến nay, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Do ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu ông N.H. T thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu phát sinh từ Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 2228498 ngày 18/11/2014, tổng số tiền là 131.757.479 đồng (tạm tính tới ngày 26/10/2018). Trong đó nợ gốc 48.905.850 đồng và nợ lãi 82.851.629 đồng. Ông T còn phải chịu khoản lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 27/10/2018 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng đến khi thanh toán xong.

** Bị đơn, ông N.H. T vắng mặt.*

Ông N.H. T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 19/10/2018 và 16/10/2018 nhưng ông T không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N.H. T.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông N.H. T có địa chỉ tại quận Bình Thạnh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại

phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng theo quy định để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung, do bị đơn ông N.H. T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2228498 ngày 18/11/2014 đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và ngân hàng cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh đã thực hiện việc chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, nên đề nghị Hội đồng xem xét chấp nhận một phần khởi kiện yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận một phần tiền lãi quá hạn theo khởi kiện của nguyên đơn do tính trên toàn bộ tổng dư nợ thực tế tính từ ngày 19/12/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 2228498 ngày 18/11/2014 đối với ông N.H. T, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp dân sự liên quan đến giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại kết quả trả lời Quyết định số 2640/2017/QĐ-CCTLCC ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Công an Phường 26, quận Bình Thạnh xác định: *N.H. T, sinh năm 1981, đã bán nhà về 345 Bình Quới, Phường 28, quận Bình Thạnh để tạm trú. Hiện không thực tế cư trú tại 123 đường XVNT, Phường xx, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.* Đồng thời, tại trả lời Văn bản số 310/2018/CV-TABT ngày 02/4/2018 và Quyết định số 218/2018/QĐ-CCTLCC ngày 26/01/2018, Công an Phường 28, quận Bình Thạnh xác định: *N.H. T, sinh năm 1981, hiện không đăng ký thường trú, tạm trú hoặc thực tế cư trú tại 345 Bình Quới, Phường 28, quận Bình Thạnh.* Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn ông N.H. T là 123 đường XVNT, Phường xx, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông N.H. T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy ông N.H. T vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông N.H. T.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, Ngân hàng V khởi kiện ông N.H. T yêu cầu thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng tín dụng số 2228498 ngày 18/11/2014 tổng số tiền còn thiếu đến ngày xét xử sơ thẩm là 136.474.213 đồng, trong đó nợ gốc là 48.902.480 đồng, tiền lãi là 87.571.733 và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 2228498 ngày 06/11/2014 được phê duyệt ngày 18/11/2014, Ngân hàng V và ông N.H. T thỏa thuận: Ngân hàng V cho ông T vay 50.000.000 đồng (đã bao gồm phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 1.492.990 đồng), và ông T có nghĩa vụ trả tiền vay vào ngày 18 (Mười tám) hàng tháng là 1.812.330 đồng, bắt đầu trả từ ngày 18/12/2014, lãi suất vay trong hạn là cố định 30%/năm với thời hạn vay 48 tháng.

Thực hiện hợp đồng đã cam kết, ngày 18/11/2014, Ngân hàng V đã chuyển số tiền vay theo thỏa thuận là 48.500.000 đồng cho ông H.T vào tài khoản số 72830784 mở tại Ngân hàng V, và đã chuyển tiền phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 1.492.990 đồng theo xác nhận của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Mirae Asset Prévoir tại Văn bản số 269/2018-HCM/LG-OC ngày 11/12/2018 phù hợp với thỏa thuận hợp đồng, nên bên vay là ông N.H. T phải có nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận số tiền đã nhận là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền vay này.

Ông T đã rút tiền vay 48.500.000 đồng ngày 19/11/2014 để sử dụng và đã tiến hành thanh toán 3 (Ba) lần tổng cộng là 5.628.000 đồng cho Ngân hàng V, cụ thể như sau: Ngày 18/12/2014, thanh toán 1.813.000 đồng; Ngày 19/01/2015, thanh toán 1.815.000 đồng; Ngày 11/4/2015, thanh toán 2.008.769 đồng. Kể từ sau ngày 11/4/2015, ông T không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V là vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Điều 5 của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ kèm theo hợp đồng tín dụng nên có đủ cơ sở buộc ông N.H. T phải trả toàn bộ số nợ gốc còn thiếu và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngay sau ngày bản án có hiệu

lực pháp luật cho đến khi thanh toán xong. Căn cứ Điều 9 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001, Điều 17 Thông tư số 38/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và thỏa thuận tại khoản 4 Điều 2 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày sao cho tổng số tiền hàng tháng phải trả theo hợp đồng là 1.812.330 đồng, bao gồm tiền gốc và tiền lãi trong 48 kỳ cho đến khi trả hết nợ tính từ ngày giải ngân là 18/11/2014 là phù hợp với lịch trả nợ do Ngân hàng V cung cấp. Vậy, theo thỏa thuận hợp đồng, tổng số tiền lãi trả góp của 48 tháng vay mà ông T phải thanh toán cho Ngân hàng V là 36.991.810 đồng trên số tiền vay gốc 50.000.000 đồng.

Xét khoản 3 Điều 9 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ kèm theo hợp đồng tín dụng quy định *khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, số tiền phạt chậm trả được tính theo công thức: {số tiền lãi chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn : 30 (nếu lãi suất tính theo tháng), 360 (nếu lãi suất tính theo năm)}*, nên xác định thỏa thuận của Ngân hàng V và ông N.H. T về tiền phạt chậm trả được tính trên số tiền lãi chậm trả theo lãi suất quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, khoản 2 Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 (công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao) về việc *khách hàng vay ngoài phải trả khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này*. Do đó, thỏa thuận về tiền phạt chậm trả được tính theo công thức tiền lãi trên tiền lãi là vô hiệu nên các bên không phải thực hiện các thỏa thuận liên quan đến tiền phạt chậm trả. Chính vì thế, bị đơn ông N.H. T, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn và phí phải thanh toán cho Ngân hàng V theo hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của

số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Xét tại phiên tòa, Ngân hàng V đề nghị tính tiền lãi quá hạn theo lãi suất quá hạn từ ngày 19/12/2014 trên tổng dư nợ, nhưng đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Ngân hàng V không cung cấp được cho Toà án tài liệu chứng minh đã tiến hành gửi văn bản thông báo cho khách hàng, trong đó nêu rõ thời hạn mà khách hàng phải trả nợ trước hạn theo thoả thuận tại khoản 2 Điều 8 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, mặc dù Toà án đã yêu cầu Ngân hàng V cung cấp tài liệu này bằng Văn bản số 1385/2018/CV-TABTh ngày 12/7/2018 và đã tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn cung cấp tài liệu này, nên yêu cầu này của Ngân hàng V là không có đủ cơ sở để chấp nhận.

Xét điểm b khoản 2 Điều 9 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ kèm theo hợp đồng tín dụng qui định *"khách hàng chậm thanh toán nợ gốc và/hoặc lãi theo các kỳ trả nợ trong Lịch trả nợ và Ngân hàng V không quyết định thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của khách hàng trước thời hạn, thì phần dư nợ gốc thực tế bị quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn, phần dư nợ gốc chưa đến kỳ trả nợ vẫn chịu mức lãi suất cho vay trong hạn"* và khoản 4 Điều 5 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, hai bên thoả thuận thứ tự thanh toán: *tiền lãi quá hạn, nợ gốc quá hạn, tiền lãi đến hạn, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác*, nên tiền lãi quá hạn do bị đơn ông N.H. T vi phạm nghĩa vụ thanh toán và số tiền đã thanh toán cần được tính lại theo nội dung thỏa thuận này.

Xét ngày 18/01/2015, ngày đến hạn trả nợ của đợt 2, là ngày chủ nhật, trùng với ngày nghỉ theo quy định của pháp luật, nên ông Hải T đã thanh toán đợt 2 ngày 19/01/2015 là phù hợp với khoản 2 Điều 5 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ kèm hợp đồng tín dụng nên đến thời điểm thanh toán kỳ 2, ông T không vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận. Đến ngày 19/01/2015, số tiền mà ông T đã thanh toán tổng cộng hai đợt là 1.813.000 đồng + 1.815.000 đồng = 3.628.000 đồng, số tiền còn dư trong tài khoản chưa rút sau khi giải ngân là 50.000.000 đồng - 48.500.000 đồng - 1.492.990 đồng = 7.010 đồng, ngày 29/11/2014, số tiền này phát sinh tiền lãi là 674 đồng. Số tiền được thanh toán cho kỳ 1 và kỳ 2 là 3.628.000 đồng + 7.010 đồng + 674 đồng = 3.689.684 đồng được chi tiết cụ thể thanh toán như sau:

- Tiền gốc của kỳ 1 và kỳ 2 đã thanh toán là: 562.330 đồng + 535.190 đồng = 1.097.520 đồng.

- Tiền lãi trong hạn của kỳ 1 và 2 đã thanh toán là: 1.250.000 đồng + 1.277.140 đồng = 2.527.140 đồng.

- Một phần tiền lãi trong hạn của kỳ 3 đã thanh toán là: 3.689.684 đồng - 1.097.520 đồng - 2.527.140 đồng = 11.024 đồng. Tiền lãi trong hạn của kỳ 3 còn thiếu là 1.263.314 đồng - 11.024 đồng = 1.252.290 đồng.

Đến ngày 11/4/2015, ông T tiếp tục thanh toán số tiền là 2.000.000 đồng, nên bắt đầu từ kỳ trả nợ lần thứ ba, ông T không thanh toán đúng hạn thì phải chịu tiền lãi quá hạn trên số tiền gốc đến hạn kể từ thời điểm quá hạn như sau:

- Kỳ 3: Tiền gốc đến hạn là 549.016 đồng; tiền lãi trong hạn còn thiếu là 1.252.290 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 19/02/2015 đến ngày 11/4/2015 là: 549.016 đồng x (30%/năm x 150% : 360 ngày) x 52 ngày = 35.686 đồng.

- Kỳ 4: Tiền gốc đến hạn là 684.083 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.128.247 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 18/03/2015 đến ngày 11/4/2015 là: 684.083 đồng x (30%/năm x 50% : 360 ngày) x 24 ngày = 20.522 đồng.

Vì vậy, số tiền thanh toán 2.000.000 đồng ngày 11/4/2015 được ưu tiên thanh toán như sau:

- Tiền lãi quá hạn trên số tiền gốc đến hạn của kỳ 3 và kỳ 4 là: 35.686 đồng + 20.522 đồng = 56.209 đồng;

- Tiền gốc đến hạn chưa thanh toán (hay còn gọi là nợ gốc quá hạn) của kỳ 3 và kỳ 4 là: 549.016 đồng + 684.083 đồng = 1.233.098 đồng.

- Tiền lãi trong hạn được thanh toán một phần là 2.000.000 đồng - (56.209 đồng + 1.233.098 đồng) = 710.693 đồng, nên tiền lãi trong hạn của kỳ 3 và 4 còn thiếu là: (1.252.290 đồng + 1.128.247 đồng) - 710.693 đồng = 1.680.869 đồng.

Chính vì thế, tiền gốc quá hạn, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của các kỳ sau phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Kỳ 5: Thanh toán ngày 18/4/2015, tiền gốc quá hạn 580.871 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.231.459 đồng; tiền lãi quá hạn: 580.871 đồng x (30%/năm x 150% : 360 ngày) x 1.375 ngày = 998.372 đồng;

- Kỳ 6: Thanh toán ngày 18/5/2015, tiền gốc quá hạn 635.117 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.177.213 đồng; tiền lãi quá hạn: 635.117 đồng x (30%/năm x 150% : 360 ngày) x 1.345 ngày = 1.067.791 đồng;

- Kỳ 7: Thanh toán ngày 18/6/2015, tiền gốc quá hạn 612.284 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.200.046 đồng; tiền lãi quá hạn: 612.284 đồng x (30%/năm x 150% : 360 ngày) x 1.314 ngày = 1.005.676 đồng;

- Kỳ 8: Thanh toán ngày 18/7/2015, tiền gốc quá hạn 666.302 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.146.028 đồng; tiền lãi quá hạn: $666.302 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 1.284 \text{ ngày} = 1.069.415 \text{ đồng}$;
- Kỳ 9: Thanh toán ngày 18/8/2015, tiền gốc quá hạn 645.314 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.167.016 đồng; tiền lãi quá hạn: $645.314 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 1.253 \text{ ngày} = 1.010.723 \text{ đồng}$;
- Kỳ 10: Thanh toán ngày 18/9/2015, tiền gốc quá hạn 661.985 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.150.345 đồng; tiền lãi quá hạn: $661.985 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 1.222 \text{ ngày} = 1.011.182 \text{ đồng}$;
- Kỳ 11: Thanh toán ngày 18/10/2015, tiền gốc quá hạn 715.642 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.096.688 đồng; tiền lãi quá hạn: $715.642 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 1.192 \text{ ngày} = 1.066.307 \text{ đồng}$;
- Kỳ 12: Thanh toán ngày 18/11/2015, tiền gốc quá hạn 697.573 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.114.757 đồng; tiền lãi quá hạn: $697.573 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 1.162 \text{ ngày} = 1.012.354 \text{ đồng}$;
- Kỳ 13: Thanh toán ngày 18/12/2015, tiền gốc quá hạn 750.973 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.061.357 đồng; tiền lãi quá hạn: $750.973 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 1.131 \text{ ngày} = 1.061.688 \text{ đồng}$;
- Kỳ 14: Thanh toán ngày 18/01/2016, tiền gốc quá hạn 734.994 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.077.336 đồng; tiền lãi quá hạn: $734.994 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 1.100 \text{ ngày} = 1.010.617 \text{ đồng}$;
- Kỳ 15: Thanh toán ngày 18/02/2016, tiền gốc quá hạn 753.982 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.058.348 đồng; tiền lãi quá hạn: $753.982 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 1.069 \text{ ngày} = 1.007.508 \text{ đồng}$;
- Kỳ 16: Thanh toán ngày 18/3/2016, tiền gốc quá hạn 840.483 đồng; tiền lãi trong hạn là 971.847 đồng; tiền lãi quá hạn: $840.483 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 1.040 \text{ ngày} = 1.092.628 \text{ đồng}$;
- Kỳ 17: Thanh toán ngày 18/4/2016, tiền gốc quá hạn 795.172 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.017.158 đồng; tiền lãi quá hạn: $795.172 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 1009 \text{ ngày} = 1.002.911 \text{ đồng}$;
- Kỳ 18: Thanh toán ngày 18/5/2016, tiền gốc quá hạn 847.863 đồng; tiền lãi trong hạn là 964.467 đồng; tiền lãi quá hạn: $847.863 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 979 \text{ ngày} = 1.037.572 \text{ đồng}$;
- Kỳ 19: Thanh toán ngày 18/6/2016, tiền gốc quá hạn 837.617 đồng; tiền lãi trong hạn là 974.713 đồng; tiền lãi quá hạn: $837.617 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 948 \text{ ngày} = 992.576 \text{ đồng}$;

- Kỳ 20: Thanh toán ngày 18/7/2016, tiền gốc quá hạn 890.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 922.330 đồng; tiền lãi quá hạn: $890.000 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 918 \text{ ngày} = 1.021.275 \text{ đồng}$;
- Kỳ 21: Thanh toán ngày 18/8/2016, tiền gốc quá hạn 882.247 đồng; tiền lãi trong hạn là 930.083 đồng; tiền lãi quá hạn: $882.247 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 887 \text{ ngày} = 978.191 \text{ đồng}$;
- Kỳ 22: Thanh toán ngày 18/9/2016, tiền gốc quá hạn 905.038 đồng; tiền lãi trong hạn là 907.292 đồng; tiền lãi quá hạn: $905.038 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 856 \text{ ngày} = 968.391 \text{ đồng}$;
- Kỳ 23: Thanh toán ngày 18/10/2016, tiền gốc quá hạn 956.932 đồng; tiền lãi trong hạn là 855.398 đồng; tiền lãi quá hạn: $956.932 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 826 \text{ ngày} = 988.032 \text{ đồng}$;
- Kỳ 24: Thanh toán ngày 18/11/2016, tiền gốc quá hạn 953.139 đồng; tiền lãi trong hạn là 859.191 đồng; tiền lãi quá hạn: $953.139 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 795 \text{ ngày} = 947.182 \text{ đồng}$;
- Kỳ 25: Thanh toán ngày 18/12/2016, tiền gốc quá hạn 1.004.684 đồng; tiền lãi trong hạn là 807.646 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.004.684 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 765 \text{ ngày} = 960.279 \text{ đồng}$;
- Kỳ 26: Thanh toán ngày 18/01/2017, tiền gốc quá hạn 1.003.716 đồng; tiền lãi trong hạn là 808.614 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.003.716 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 734 \text{ ngày} = 920.910 \text{ đồng}$;
- Kỳ 27: Thanh toán ngày 18/02/2017, tiền gốc quá hạn 1.029.646 đồng; tiền lãi trong hạn là 782.684 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.029.646 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 703 \text{ ngày} = 904.801 \text{ đồng}$;
- Kỳ 28: Thanh toán ngày 18/3/2017, tiền gốc quá hạn 1.129.415 đồng; tiền lãi trong hạn là 682.915 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.129.415 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 675 \text{ ngày} = 952.944 \text{ đồng}$;
- Kỳ 29: Thanh toán ngày 18/4/2017, tiền gốc quá hạn 1.085.422 đồng; tiền lãi trong hạn là 726.908 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.085.422 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 644 \text{ ngày} = 873.764 \text{ đồng}$;
- Kỳ 30: Thanh toán ngày 18/5/2017, tiền gốc quá hạn 1.136.006 đồng; tiền lãi trong hạn là 676.324 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.136.006 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 614 \text{ ngày} = 871.884 \text{ đồng}$;
- Kỳ 31: Thanh toán ngày 18/6/2017, tiền gốc quá hạn 1.142.808 đồng; tiền lãi trong hạn là 669.522 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.142.808 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 583 \text{ ngày} = 832.822 \text{ đồng}$;

- Kỳ 32: Thanh toán ngày 18/7/2017, tiền gốc quá hạn 1.192.976 đồng; tiền lãi trong hạn là 619.354 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.192.976 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 553 \text{ ngày} = 824.645 \text{ đồng}$;
- Kỳ 33: Thanh toán ngày 18/8/2017, tiền gốc quá hạn 1.203.150 đồng; tiền lãi trong hạn là 609.180 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.203.150 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 522 \text{ ngày} = 785.055 \text{ đồng}$;
- Kỳ 34: Thanh toán ngày 18/9/2017, tiền gốc quá hạn 1.234.231 đồng; tiền lãi trong hạn là 578.099 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.234.231 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 491 \text{ ngày} = 757.509 \text{ đồng}$;
- Kỳ 35: Thanh toán ngày 18/10/2017, tiền gốc quá hạn 1.283.735 đồng; tiền lãi trong hạn là 528.595 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.283.735 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 461 \text{ ngày} = 739.752 \text{ đồng}$;
- Kỳ 36: Thanh toán ngày 18/11/2017, tiền gốc quá hạn 1.299.278 đồng; tiền lãi trong hạn là 513.052 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.299.278 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 430 \text{ ngày} = 698.362 \text{ đồng}$;
- Kỳ 37: Thanh toán ngày 18/12/2017, tiền gốc quá hạn 1.348.310 đồng; tiền lãi trong hạn là 464.020 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.348.310 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 400 \text{ ngày} = 674.155 \text{ đồng}$;
- Kỳ 38: Thanh toán ngày 18/01/2018, tiền gốc quá hạn 1.367.674 đồng; tiền lãi trong hạn là 444.656 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.367.674 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 369 \text{ ngày} = 630.840 \text{ đồng}$;
- Kỳ 39: Thanh toán ngày 18/02/2018, tiền gốc quá hạn 1.403.006 đồng; tiền lãi trong hạn là 409.324 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.403.006 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 338 \text{ ngày} = 592.770 \text{ đồng}$;
- Kỳ 40: Thanh toán ngày 18/3/2018, tiền gốc quá hạn 1.475.355 đồng; tiền lãi trong hạn là 336.975 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.475.355 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 310 \text{ ngày} = 571.700 \text{ đồng}$;
- Kỳ 41: Thanh toán ngày 18/4/2018, tiền gốc quá hạn 1.477.364 đồng; tiền lãi trong hạn là 334.966 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.477.364 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 279 \text{ ngày} = 515.231 \text{ đồng}$;
- Kỳ 42: Thanh toán ngày 18/5/2018, tiền gốc quá hạn 1.525.103 đồng; tiền lãi trong hạn là 287.227 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.525.103 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 249 \text{ ngày} = 474.688 \text{ đồng}$;
- Kỳ 43: Thanh toán ngày 18/6/2018, tiền gốc quá hạn 1.554.927 đồng; tiền lãi trong hạn là 257.403 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.554.927 \text{ đồng} \times (30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 218 \text{ ngày} = 423.718 \text{ đồng}$;

– Kỳ 44: Thanh toán ngày 18/7/2018, tiền gốc quá hạn 1.602.104 đồng; tiền lãi trong hạn là 210.226 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.602.104 \text{ đồng} \times (30\%/năm \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 188 \text{ ngày} = 376.494 \text{ đồng}$;

– Kỳ 45: Thanh toán ngày 18/8/2018, tiền gốc quá hạn 1.636.484 đồng; tiền lãi trong hạn là 175.846 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.636.484 \text{ đồng} \times (30\%/năm \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 157 \text{ ngày} = 321.160 \text{ đồng}$;

– Kỳ 46: Thanh toán ngày 18/9/2018, tiền gốc quá hạn 1.678.760 đồng; tiền lãi trong hạn là 133.570 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.678.760 \text{ đồng} \times (30\%/năm \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 126 \text{ ngày} = 264.405 \text{ đồng}$;

– Kỳ 47: Thanh toán ngày 18/10/2018, tiền gốc quá hạn 1.725.038 đồng; tiền lãi trong hạn là 87.292 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.725.038 \text{ đồng} \times (30\%/năm \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 96 \text{ ngày} = 207.005 \text{ đồng}$;

– Kỳ 48: Thanh toán ngày 18/11/2018, tiền gốc quá hạn 1.766.661 đồng; tiền lãi trong hạn là 45.639 đồng; tiền lãi quá hạn: $1.766.661 \text{ đồng} \times (30\%/năm \times 150\% : 360 \text{ ngày}) \times 65 \text{ ngày} = 143.541 \text{ đồng}$.

Vậy, số tiền mà ông T chưa thanh toán cho Ngân hàng V đến ngày xét xử sơ thẩm bao gồm:

- Tiền gốc quá hạn: $50.000.000 \text{ đồng} - 1.097.520 \text{ đồng} = 48.902.480 \text{ đồng}$

- Tiền lãi quá hạn (từ kỳ 5 đến kỳ 48) là: 35.669.276 đồng.

- Tiền lãi trong hạn: 33.753.977 đồng.

Tổng cộng: $48.902.480 \text{ đồng} + 35.669.276 \text{ đồng} + 33.753.977 \text{ đồng} = 118.325.732 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông N.H. T thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu tổng cộng đến ngày xét xử sơ thẩm là 118.325.732 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 48.902.480 đồng, tiền lãi quá hạn là 35.669.276 đồng, tiền lãi trong hạn là 33.753.977 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu theo lãi suất nợ quá hạn được thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này; không chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông N.H. T trả số tiền là $136.474.213 \text{ đồng} - 118.325.732 \text{ đồng} = 18.148.481 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội,

Bị đơn ông N.H. T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 118.325.732 đồng x 5% = 5.916.287 đồng;

Nguyên đơn Ngân hàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho phần yêu cầu không được chấp nhận là 907.424 đồng; hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại là 2.702.000 đồng – 907.424 đồng = 1.794.576 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1. Ông N.H. T phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền còn thiếu đến ngày xét xử sơ thẩm của Hợp đồng tín dụng số 2228498 ngày 18/11/2014 tổng cộng là 118.325.732 đồng (Một trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi hai đồng), trong đó tiền nợ gốc là 48.902.480 đồng (Bốn mươi tám triệu chín trăm lẻ hai ngàn bốn trăm tám mươi đồng), tiền lãi quá hạn là 35.669.276 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm bảy mươi sáu đồng), tiền lãi trong hạn là 33.753.977 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi bảy đồng).

1.2. Ông N.H. T tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2228498 ngày 18/11/2014 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 23/01/2019) cho đến khi thực hiện xong khoản nợ gốc này.

2. Không chấp nhận một phần khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu ông N.H. T trả tiền lãi quá hạn được tính trên toàn bộ tổng dư nợ theo lãi suất nợ quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 2228498 ngày 18/11/2014 là 18.148.481 đồng (Mười tám triệu một trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm tám mươi một đồng).

3. Án phí sơ thẩm:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự là 5.916.287 đồng (Năm triệu chín trăm mười sáu ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng) ông N.H. T phải chịu.

3.2. Án phí dân sự đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 907.424 đồng (Chín trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm hai mươi bốn đồng) Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.702.000 đồng (Hai triệu bảy trăm lẻ hai ngàn đồng) theo Biên lai số 0003182 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Hoàn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là 1.794.576 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi tư ngàn năm trăm bảy mươi sáu đồng) theo biên lai nói trên.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Thị Thúy Vân